

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CỬ CHI**
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Bản án số: 605/2022/HNGĐ-ST
Ngày 04-5-2022
V/v tranh chấp ly hôn

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Thuý Ái.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Ngọc;
2. Bà Nguyễn Phước Trinh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Văn Bé-Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cử Chi.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền-Kiểm sát viên.

Trong ngày 04 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cử Chi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 841/2022/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2022 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 104/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 141/2022/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh D, sinh năm: 1984 (Có mặt);

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 1, phường Th, Thành phố V, tỉnh Ph. Tạm trú: Đường số 177, tổ 3A, ấp 4A, xã B, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Địa chỉ liên lạc: Số 387 đường L, tổ 18, phường H, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm: 1963 (Vắng mặt).

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 1, phường Th, Thành phố V, tỉnh Ph. Tạm trú: Đường số 177, tổ 3A, ấp 4A, xã B, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn xin ly hôn nộp ngày 15/12/2021 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Thanh D trình bày:*

Bà và ông Nguyễn Văn H quen biết nhau chỉ khoảng 03 tháng là xây dựng gia đình vào năm 2011, tình cảm lúc đầu chưa nhiều nhưng bà nghĩ bà và ông H đến với nhau cũng do duyên số. Vợ chồng bà có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Th, huyện V, tỉnh Ph.

Sau khi tổ chức lễ cưới bà mới được gia đình bên chồng cho biết ông H là người ăn chơi, có nợ nần, tuy nhiên tại thời điểm đó bà nghĩ bà sẽ thay đổi được ông

H, sau khi xây dựng gia đình, vợ chồng bà chung sống tại nhà riêng ở xã B, huyện C. Đời sống chung không có hạnh phúc, nguyên nhân do vợ chồng có nhiều bất đồng về quan điểm sống, ông H không quan tâm đến kinh tế gia đình, bản thân bà là phụ nữ phải gồng gánh kinh tế, còn ông H thì cờ bạc, chơi đề gây ra nợ nần, các chủ nợ gọi vào điện thoại của bà đòi nợ, nhiều lúc chủ nợ gọi điện thoại cho ông H nhưng ông H lại để cho con nghe máy và con phải nghe những lời chửi mắng nặng nề, tục tĩu, bà phải giấu gia đình để phụ ông H trả nợ, ông H còn vay mượn tiền của anh rể và em trai bà nhưng lại bảo anh rể và em trai bà giấu không cho bà biết, đến khi sự việc vỡ lở gia đình bà mới biết. Bà đã chịu đựng cuộc sống như vậy gần 10 năm nay vì muốn con cái có một gia đình hạnh phúc, tuy nhiên cho đến nay bà cảm thấy nếu tình cảm vợ chồng không còn thì nên giải thoát cho nhau, còn hơn là để con cái phải sống trong một gia đình luôn có không khí nặng nề, mệt mỏi, từ tháng 12/2021 bà đã cùng con dọn đi chỗ khác sống riêng và bà cũng đã ly thân với ông H từ đó. Tòa án nhân dân huyện Củ Chi đã hòa giải nhiều lần nhưng bà đã suy nghĩ kỹ, bà không còn tình cảm với ông H nên đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn, giữa bà và ông H không thể hàn gắn.

Bà và ông H có 01 con chung tên Nguyễn Trường Thiên Ph, sinh ngày 07/4/2012, bà yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung bà và ông H tự thỏa thuận không tranh chấp. Nợ chung không có.

** Tại bản tự khai ngày 24/02/2022 và trong quá trình xét xử, bị đơn là ông Nguyễn Văn H trình bày:*

Ông và bà Nguyễn Thị Thanh D tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2011, có đăng ký kết hôn, có tổ chức cưới. Vợ ông tự nguyện đến với ông vào thời điểm này dù biết ông cũng có những khuyết điểm.

Sau khi kết hôn, vợ chồng ông thuê nhà ở riêng được 03 năm thì mua đất xây nhà riêng ở xã B, huyện C. Sống hạnh phúc hơn 07 năm, khoảng 02 năm gần đây mới phát sinh mâu thuẫn, ông nghĩ gia đình nào cũng có những lúc bất đồng, ông nhận thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng ông không lớn, ông thừa nhận lúc nóng giận ông có tát vợ ông 02 cái nhưng cũng vì ông phát hiện vợ ông ngoại tình, vợ ông cũng đã xin lỗi ông, còn chuyện ông có gây ra nợ nần ông không bắt vợ ông phải phụ trả, ông đã lớn tuổi nên muốn tạo điều kiện để vợ ông đi làm, còn ông lúc nào có việc ông cũng đi làm để phụ lo kinh tế, ngoài ra thời gian rảnh thì ông đưa đón, cơm nước cho con đi học, vợ ông tự ý dọn ra khỏi nhà, vợ ông cho rằng đã chịu đựng ông quá nhiều thì ông muốn biết rõ những chịu đựng đó là gì, ông có đánh đập hay hành hạ vợ hay không, có lấy tiền của vợ chơi bời hay không, vợ ông muốn ly hôn nhưng bản thân ông nhận thấy ông vẫn còn thương yêu vợ, ông muốn vợ chồng đoàn tụ nên không đồng ý ly hôn.

Ông và bà D có 01 con chung đúng như vợ ông khai, ông không đồng ý ly hôn nên không có ý kiến gì về con, tờ giấy mà con ông viết muốn sống với mẹ có phải do mẹ bắt con viết hay không.

Về tài sản chung ông không tranh chấp, nợ chung không có.

** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi:*

Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng nội dung quy

định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015: Vụ án được thụ lý đúng thẩm quyền; Tòa án cấp, tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng đúng quy định; thời hạn gửi Thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát cùng cấp đúng quy định; thời hạn gửi Quyết định đưa vụ án ra xét xử và thời hạn gửi hồ sơ đúng quy định; Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng thời gian, địa điểm được ghi trong quyết định đưa vụ án ra xét xử, thành phần Hội đồng xét xử đúng quy định, việc tham gia hỏi tại phiên tòa đúng quy định. Đối với các đương sự: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Về nội dung, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh tụng, kết quả tranh luận tại phiên tòa, Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Thanh D, con chung giao cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện của bà D về việc không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung không tranh chấp, nghĩa vụ dân sự chung không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp:

Tại đơn xin ly hôn nộp ngày 15/12/2021, bà Nguyễn Thị Thanh D yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Củ Chi giải quyết cho bà ly hôn với ông Nguyễn Văn H, về con chung bà yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung không tranh chấp, nợ chung không có. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình được quy định tại Khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Bị đơn là ông Nguyễn Văn H có đăng ký tạm trú tại tổ 3A, ấp 4A, xã B, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (theo xác minh của Ban chỉ huy Công an xã B, huyện C ngày 15/02/2022) nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi theo Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Về tố tụng:

Bị đơn là ông Nguyễn Văn H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử (tại phiên tòa ngày 12/4/2022 ông H yêu cầu thay đổi Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa, sau khi nghị án, Hội đồng xét xử không chấp nhận đề nghị thay đổi Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa, khi Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa đang phổ biến quyền và nghĩa vụ của đương sự thì ông H lớn tiếng và tự ý bỏ về) và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn không đến Tòa án, do đó Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành phiên Tòa vắng mặt ông H theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Nguyễn Thị Thanh D và ông Nguyễn Văn H tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 91, quyền số 01/2011 do Ủy ban nhân

dân xã Th, huyện V, tỉnh Ph cấp ngày 09/12/2011, đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét trình bày của bà D thì sau khi xây dựng gia đình vào năm 2011, hai bên chung sống hạnh phúc tại nhà riêng, sống không có hạnh phúc, nguyên nhân do vợ chồng có nhiều bất đồng về quan điểm sống, kinh tế gia đình bản thân bà là phụ nữ phải gồng gánh, ông H cờ bạc gây ra nợ nần, các chủ nợ gọi vào điện thoại của bà đòi nợ, ông H còn vay mượn tiền của anh em trong gia đình bà, bà đã chịu đựng cuộc sống như vậy gần 10 năm nay vì muốn con cái có một gia đình hạnh phúc, tuy nhiên cho đến nay bà cảm thấy tình cảm bà dành cho ông H không còn, từ tháng 12/2021 bà đã cùng con dọn đi chỗ khác sống riêng và bà cũng đã ly thân với ông H từ đó, bà cảm thấy không thể tiếp tục chung sống với ông H được, mục đích hôn nhân không đạt nên bà yêu cầu được ly hôn.

Phía ông H cho rằng tuy ông có khuyết điểm nhưng ông không đánh đập hay hành vợ, không bắt bà D phải phụ trả nợ, vì ông đã lớn tuổi nên ông muốn dành thời gian cho vợ đi làm, ông ở nhà lo chăm sóc, đưa đón con đi học, nếu có việc ông mới đi làm, nguyên nhân bà D đòi ly hôn với ông là do bà D ngoại tình, bà D cũng đã xin lỗi ông, ông thừa nhận bản thân lúc nóng giận có tát bà D 02 cái, ông mong muốn được đoàn tụ gia đình vì ông còn thương yêu vợ, ông không đồng ý ly hôn.

Hội đồng xét xử xét bà D và ông H hiện đã ly thân, sống tại 02 địa chỉ khác nhau nên không cần thiết phải xác minh về tình trạng hôn nhân của ông bà tại địa phương theo quy định tại Điều 208 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, xét tình trạng quan hệ vợ chồng giữa bà D và ông H đã đến mức trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài, nếu hàn gắn cũng không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt, căn cứ Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà D.

[4] Về con chung:

Bà D và ông H có 01 con chung tên Nguyễn Trường Thiên Ph, sinh ngày 07/4/2012, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung vì hiện cháu đang sống với bà, cháu Ph cũng có nguyện vọng được sống với mẹ, để ổn định tâm sinh lý của con chung, Hội đồng xét xử xét giao cháu Ph cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Bà D không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con cho nhau, xét đây là sự tự nguyện của bà D, không trái pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này. Nếu sau này bà D yêu cầu cấp dưỡng nuôi con sẽ được Tòa án giải quyết ở một vụ án khác.

[5] Về tài sản chung:

Bà D và ông H xác định không tranh chấp.

[6] Về nghĩa vụ dân sự chung:

Bà D và ông H trình bày không có.

[7] Về đề nghị của đại diện Viện kiểm sát:

Xét đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi phát biểu ý kiến đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà D, giao con chung cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện của bà D về việc không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung không tranh chấp, nghĩa vụ dân sự chung không có là có cơ sở, phù

hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tranh tụng tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận.

[8] Về nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm:

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xét buộc bà D phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 146, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 9, Điều 14, Điều 51, Điều 56 Khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110 và Điều 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Điều 6, Điều 7, Điều 26, Điều 30, Điều 31 và Điều 32 của Luật Thi hành án Dân sự năm 2008;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Thanh D về việc yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn H.

Kể từ ngày Bản án phát sinh hiệu lực pháp luật, Giấy chứng nhận kết hôn số 91, quyền số 01/2011 do Ủy ban nhân dân xã Th, huyện V, tỉnh Ph cấp cho bà Nguyễn Thị Thanh D và ông Nguyễn Văn H không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung:

Bà D và ông H có 01 con chung tên Nguyễn Trường Thiên Ph, sinh ngày 07/4/2012.

Giao cháu Ph cho bà D được quyền trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà D về việc tạm thời không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi dưỡng con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, yêu cầu của cá nhân, tổ chức theo quy định tại Khoản 5 Điều 84, Khoản 2 Điều 116 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc trợ cấp cho việc nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về tài sản chung:

Bà D và ông H trình bày tài sản chung tự thỏa thuận, không tranh chấp.

4. Về nghĩa vụ dân sự chung:

Bà D và ông H trình bày không có.

5. Về án phí sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Thanh D phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số AA/2021/0043515 ngày 17/12/2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Củ Chi.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án Dân sự.

6. Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND huyện Củ Chi;
- Chi cục THADS huyện Củ Chi;
- Ủy ban nhân dân xã Th, huyện V, tỉnh Ph;
- Các đương sự;
- Lưu VP, Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**